

**Biểu giá dịch vụ bảo quản**

STT	LOẠI HÌNH BẢO QUẢN	MÃ ÁP DỤNG THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ
					(VNĐ)
1	Hàng thông thường	SGCR	Miễn phí bảo quản		
			- Ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước		
			- Hàng nhập: 3 ngày đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 ngày đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	KVĐ/lần	90,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	850
			Từ ngày thứ 4 đến hết ngày thứ 8	Kg/ngày	1,570
	Từ ngày thứ 9 trở đi	Kg/ngày	1,800		
2	Hàng bảo quản lạnh	SFRZ	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	KVĐ/lần	340,000
	Đơn giá	Kg/giờ	225		
3	Hàng bảo quản trong kho hàng giá trị cao	SVAL	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 2 giờ đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 2 giờ đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng.		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	Ngày/lần	1,326,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	7,900
	Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	14,600		

**Biểu giá dịch vụ bảo quản**

STT	LOẠI HÌNH BẢO QUẢN	MÃ ÁP DỤNG THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ
					(VNĐ)
4	Hàng động vật sống	SAVI	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	Ngày/lần	272,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	1,600
			Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	3,000
5	Hàng khó bảo quản	SVUN	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 3 ngày đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 ngày đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	KVD/lần	210,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	970
			Từ ngày thứ 4 đến hết ngày thứ 8	Kg/ngày	1,870
Từ ngày thứ 9 trở đi	Kg/ngày	2,050			
6	Hàng nguy hiểm ngoại trừ vũ khí, chất nổ	SDGR	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			đơn giá	Ngày/lần	159,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	2,600
			Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	4,860

**Biểu giá dịch vụ bảo quản**

STT	LOẠI HÌNH BẢO QUẢN	MÃ ÁP DỤNG THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ
					(VNĐ)
7	Hàng vũ khí, chất nổ	SDGW	Miễn phí bảo quản		
			- Hàng nhập: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chuyển bay hạ cánh		
			- Hàng xuất: 3 giờ đầu tiên kể từ khi chấp nhận hàng		
			Giá bảo quản		
			Giá tối thiểu	Ngày/lần	340,000
			3 ngày đầu	Kg/ngày	5,670
			Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	10,800
8	Bảo quản hàng gửi lại		- Hàng nhập: +) Đối với hàng đăng ký nhận ngay: Áp dụng cho khách hàng chưa vận chuyển hàng ra khỏi kho trong vòng 3 tiếng kể từ khi đề nghị trả hàng; hoặc đề nghị lấy hàng ra kiểm dịch kiểm hóa; hoặc khách xin gửi hàng lại kho khi đã đáp ứng các điều kiện liên quan. +) Đối với hàng đăng ký nhận hàng theo giờ hẹn: Áp dụng cho khách hàng chưa vận chuyển hàng ra khỏi kho trong vòng 2 tiếng kể từ thời điểm đăng ký nhận hàng theo giờ hẹn; hoặc thời điểm đăng ký lấy hàng ra kiểm dịch kiểm hóa theo giờ hẹn; hoặc khách xin gửi hàng lại kho khi đã đáp ứng các điều kiện liên quan.		
			- Hàng xuất: Áp dụng cho khách hàng chưa hoàn thành thủ tục chấp nhận hàng mà để hàng lại kho quá 3 tiếng kể từ khi hạ hàng khỏi phương tiện hoặc khách xin gửi hàng lại kho		
			- Tính tiền bảo quản trên cơ sở trọng lượng thực tế được gửi lại (nếu khách gửi hàng lại kho) hoặc trên cơ sở trọng lượng được ghi nhận từ khi phát hiện (trong trường hợp khách để lại hàng)		
			- Tính tiền bảo quản từ thời điểm hàng được gửi vào kho cho đến khi xuất hàng khỏi kho.		
			- Áp dụng giá tối thiểu và đơn giá của các loại hình bảo quản tương ứng với mức giá cao nhất		

**Biểu giá dịch vụ bảo quản**

STT	LOẠI HÌNH BẢO QUẢN	MÃ ÁP DỤNG THEO QĐ CỦA CÔNG TY	NỘI DUNG THU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ
					(VNĐ)
9	Tính bổ sung giá bảo quản sau khi làm thủ tục mà chưa nhận hàng.		Đối với hàng nhập, thời gian bảo quản được tính bổ sung nếu thời điểm khách đề nghị trả hàng hoặc đề nghị lấy hàng để kiểm dịch/kiểm hóa vượt quá 60 phút kể từ khi làm thủ tục nhận hàng. Khách hàng phải thanh toán bổ sung nếu tiền bảo quản tại thời điểm này vượt quá số tiền bảo quản khách hàng đã thanh toán khi làm thủ tục nhận hàng.		
10	Đối tượng thanh toán		<p>+ ) Trường hợp hàng xuất : Thời gian miễn trừ và giá áp dụng theo bảng giá cho loại hàng cụ thể theo các đối tượng dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người gửi hàng: Trả tiền giá bảo quản cho các lô hàng xuất từ khi tiếp nhận hàng đến thời điểm chuyến bay được giữ chỗ dự định cất cánh</li> <li>- Hãng vận chuyển: Trả tiền giá bảo quản cho các lô hàng từ ngày chuyến bay được đặt chỗ dự định cất cánh đến ngày chuyến bay thực sự cất cánh mà không có thời gian miễn trừ.</li> </ul> <p>+ ) Trường hợp hàng nhập: Thời gian miễn trừ và giá áp dụng cho từng loại hàng cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người nhận hàng: Trả tiền bảo quản các lô hàng nhập từ khi chuyến bay hạ cánh đến thời điểm lô hàng được lấy ra khỏi kho.</li> <li>- Hãng vận chuyển: Trả tiền bảo quản cho các lô hàng lạc tuyến, các lô hàng bị từ chối nhận, các lô hàng thuộc trách nhiệm của Hãng vận chuyển kể từ khi máy bay hạ cánh cho đến khi hàng đủ thủ tục và được đưa ra khỏi kho hàng nhập ALSC mà không có thời gian miễn trừ.</li> </ul> <p>+ ) Trường hợp hàng transit/ chuyển tiếp: Hãng vận chuyển trả tiền bảo quản nếu phát sinh từ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>+ ) Một số trường hợp khác: Theo thỏa thuận với người yêu cầu dịch vụ</p>		